

Phòng thi GD2

STT	MSHS	Số BD	Số phách	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
1	131071800	TN30	YS201	Nguyễn Hữu Trung	Hiếu	10/09/1992	5.0	Năm	
2	273263003	TN31	YS202	Trần Thị	Hoàn	13/06/1986	5.7	Năm bảy	
3	321401828	TN32	YS203	Phan Thanh	Hương	26/02/1990	7.3	Bảy ba	
4	23879824	TN33	YS204	Nguyễn Thị Hồng	Lan	15/08/1986	8.3	Tám ba	
5	341852486	TN34	YS205	Huỳnh Thanh Tám	Muôn	01/04/1998	5.8	Năm tám	
6	26089330	TN35	YS206	Dương Thị Kim	Ngọc	24/07/1979	6.2	Sáu hai	
7	212799374	TN36	YS207	Nguyễn Thị	Thảo	05/06/1998	5.0	Năm	
8	352387034	TN37	YS208	Võ Trọng	Thức	12/08/1998	6.7	Sáu bảy	
9	24457360	TN38	YS209	Hồng Khánh	Toàn	13/10/1991	5.6	Năm sáu	
10	351860718	TN39	YS210	Đặng Huyền	Trang	19/10/1989	6.8	Sáu tám	
11	24457292	TN40	YS211	Ngô Trọng Minh	Triết	31/10/1991	5.0	Năm	
12	272625084	TN41	YS212	Phan Công	Tùng	09/04/1998	5.0	Năm	
13	334905725	TN42	YS213	Nguyễn Trọng Khánh	Tường	09/10/1996	5.3	Năm ba	
14	24554310	TN43	YS214	Phan Thị Thanh	Yên	01/12/1973	6.2	Sáu hai	

BAN KHẢO THÍ

Đỗ Minh Hải